

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng

Đặng Công Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
Đặng Ngọc Hoàng M năm 2018, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Ngọc Hoàng M**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Tổ , phường A, quận S, thành phố Đ.(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1971. Địa chỉ: 2 B A S P CA 94806, U. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Đặng Ngọc Hoàng M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ vào ngày 04/3/2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ tôi quay lại H sinh sống và làm việc. Thời gian đầu hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, tuy nhiên do xa cách về địa lý, vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết để tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày tại văn bản ghi ý kiến đề ngày 01/10/2018 như sau:

Tôi đã nhận được Thông báo thụ lý số 42/2018/TB-TLVA ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông báo ông Đặng Ngọc Hoàng M khởi kiện “Ly hôn”. Ý kiến của tôi như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đặng Ngọc Hoàng M kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ vào ngày 04/3/2008, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên có thời gian tìm hiểu lẫn nhau. Sau khi kết hôn chúng tôi sống được một thời gian thì tôi quay lại H. Do xa cách về địa lý, chúng tôi không có cơ hội để đoàn tụ, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết để tôi được ly hôn với ông Đặng Ngọc Hoàng M. Do điều kiện ở xa tôi không về được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nhanh chóng, không hòa giải các nội dung như trong chúng nhận hợp pháp hóa lãnh sự quán, tôi bảo lưu và không thay đổi.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì điều kiện ở xa nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử vắng mặt tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Hoàng M là công dân Việt Nam, có địa chỉ cư trú tại tổ , phường A, quận S, thành phố Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị D, có địa chỉ cư trú tại 2 B A S P CA 94806, U nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, 40, 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn ông Đặng Ngọc Hoàng M và bị đơn bà Nguyễn Thị D theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị D theo đường Bưu điện. Tại văn bản ngày 01/9/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày ý kiến nội dung thể hiện bà D đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 42/2018/TB-TLVA ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc Hoàng M đối với bà; cũng như các nội dung khác có liên quan cần giải quyết trong vụ án.

[3] Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị D không có mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc Hoàng M đối với bà Nguyễn Thị D thì thấy: Sau khi kết hôn vào năm 2008, giữa ông M và bà D chung sống được với nhau được một thời gian tại Đà Nẵng, sau đó bà D quay trở về M, còn ông Minh sống và làm việc tại Đ. Hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm lẫn nhau. Cả ông M và bà D đều xác định không còn tình cảm nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông M, bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Ngọc Hoàng M và bà Nguyễn Thị D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Đặng Ngọc Hoàng M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 37; 40; 147; 227; 464, 469 và Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 122; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Đặng Ngọc Hoàng M đối với bà Nguyễn Thị D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đặng Ngọc Hoàng M và bà Nguyễn Thị D.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Đặng Ngọc Hoàng M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 001468 ngày 06/7/2018 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng. (Ông M đã nộp đủ án phí).

3. Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Hoàng M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng

đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Anh

